TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969; địa chỉ: 42 Nguyễn Thị Lừa, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.*(có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968; địa chỉ: 42 Nguyễn Thị Lừa, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 01/12/2021, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày ông và bà H sống chung với nhau từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do bà H ham mê cờ bạc, thiếu nợ một số tiền khá lớn, ông đã bán ruộng đất để trả nợ cho bà H. Nhưng đến tháng 11/2020, ông tiếp tục phát hiện bà H vẫn còn cờ bạc nên ly thân đến nay. Ông nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Hiện ông và bà H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung, ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, ông xác định không có.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Bà và ông T có 01 căn nhà tại Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đồng ý để tài sản lại cho 02 con. Bà xác định bà không tranh chấp trong vụ kiện này.

Về nghĩa vụ dân sự chung, bà xác định không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 01/12/2021 của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn, thuộc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bị đơn không chăm lo cho đời sống chung của vợ chồng mà ham mê cờ bạc, đã được nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí sửa chữa, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Các bên đương sự đã không còn sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng, tuy nhiên cả hai bên đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy Ông Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị H tự nguyện sống chung từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, các đương sự xác định không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Đã thành niên.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc Ông Nguyễn Văn T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0043608 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhan dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ